

Số: /KH-KHCN

Bắc Giang, ngày tháng 02 năm 2023

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số năm 2023

Thực hiện Kế hoạch số 6649/KH-UBND ngày 31/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Giang năm 2023; Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số năm 2023, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

Sở KH&CN tiếp tục xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số một cách tổng thể, toàn diện; đưa các hoạt động của Sở lên môi trường số, đảm bảo an toàn thông tin; thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số để thay đổi mô hình quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp KH&CN, phương thức sống, làm việc của người dân, tạo ra các giá trị mới cho xã hội.

Cụ thể hóa và triển khai có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đề ra trong Kế hoạch số 146/KH-UBND ngày 28/6/2019 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 433-NQ/TU ngày 04/5/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2025; Kế hoạch số 324/KH-UBND ngày 13/7/2021 về Chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch số 364/KH-UBND ngày 22/6/2022 về phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ

1.1 Nhiệm vụ chung

Tổ chức phổ biến, quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chuyển đổi số tới 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Sở. Tuyên truyền Ngày Chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang năm 2023; kết quả thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động nghiên cứu-ứng dụng KH&CN đến người dân và tổ chức trên địa bàn tỉnh. Tuyên truyền về các bài toán chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương tham khảo tại địa chỉ: <https://c63.mic.gov.vn>.

Phối hợp tổ chức đánh giá tổng kết mô hình chuyển đổi số cấp xã của xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn và xã Phúc Hoà, huyện Tân Yên để làm cơ sở nhân rộng cho các xã khác trên địa bàn tỉnh.

Đẩy mạnh việc sử dụng các ứng dụng đã triển khai một cách có hiệu quả: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc (trong đó có hệ thống theo dõi các nhiệm vụ được giao), Hệ thống thư điện tử, Cổng thông tin điện tử, Cổng thông tin Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, Thông tin nhiệm vụ Khoa học kỹ thuật, Thông tin Khoa học kỹ thuật Bắc Giang... bảo đảm an toàn thông tin khi trao đổi văn bản trên môi trường mạng.

Khai thác hiệu quả Sàn giao dịch công nghệ và thiết bị trực tuyến của tỉnh; Kế hoạch số 292/KH-UBND ngày 26/6/2021 của UBND tỉnh về phát triển nguồn tin KH&CN giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Kế hoạch số 239/KH-UBND ngày 16/8/2020 của UBND tỉnh thực hiện Đề án “Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc” trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025.

Nâng cấp phòng họp trực tuyến để nâng cao chất lượng công tác họp, trao đổi chuyên môn, phổ biến văn bản và đào tạo, tập huấn qua hình thức trực tuyến và hướng tới mục tiêu không tập trung và không giấy tờ trên phạm vi toàn tỉnh.

Đầu tư trang thiết bị CNTT theo hướng đồng bộ, tương thích với địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (Ipv6).

Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin; đầu tư trang thiết bị, giải pháp phần mềm bảo đảm an toàn thông tin mạng. Xây dựng hồ sơ cấp độ an toàn hệ thống thông tin và phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ phù hợp với quy định của pháp luật và tiêu chuẩn quốc gia về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

Tổ chức đánh giá chấm điểm công tác xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001 trên phần mềm đánh giá kết quả, xây dựng áp dụng HTQLCL tại 78 cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Tham mưu đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ KH&CN thuộc các Chương trình KH&CN về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ của công nghiệp 4.0; triển khai nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh về chuyển đổi số; tra cứu thông tin trực tuyến các sáng kiến cấp tỉnh, nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở trên nền tảng mạng; triển khai hoạt động nghiên cứu-ứng dụng xây dựng mô hình đô thị thông minh.

1.2 Nhiệm vụ cụ thể

a. Phát triển Chính quyền số

- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính (TTHC) xử lý trực tuyến đạt trên 90%.
- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt trên 50%.
- Tỷ lệ số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại chỗ đạt 100%.
- Tỷ lệ văn bản trao đổi dưới dạng điện tử đạt 100% (trừ văn bản mật theo quy

định của pháp luật).

- Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng đạt trên 95%.
- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh đạt trên 85%.
- 100% các hệ thống thông tin được triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

b. Phát triển kinh tế số

- Tham gia hỗ trợ đối với 100% sản phẩm xuất khẩu có thể mạnh, sản phẩm chủ lực, đặc trưng, sản phẩm OCOP của tỉnh tham gia các sàn thương mại điện tử lớn trong và ngoài nước.

c. Phát triển xã hội số

- Gắn biển địa chỉ số cho trụ sở làm việc của Sở, các đơn vị thuộc Sở.
- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của Sở cài đặt và sử dụng ứng dụng ngân hàng điện tử, ví điện tử hoặc của các tổ chức cho phép khác để thanh toán không dùng tiền mặt đạt 100%; tỷ lệ có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 90%; tỷ lệ ứng dụng định danh điện tử đạt trên 50%.

2. Giải pháp

2.1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

Đẩy mạnh công tác truyền thông về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trong CBCCVC. Tuyên truyền kết quả thực hiện chuyển đổi số trong nghiên cứu KH&CN. Thực hiện nhiều hình thức thông tin tuyên truyền như: cập nhật thông tin qua chuyên trang, chuyên mục, các cuộc họp giao ban định kỳ, các giải pháp truyền thông hiện đại để tuyên truyền rộng rãi về các kế hoạch, hoạt động ứng dụng và phát triển CNTT của tỉnh. Đẩy mạnh thanh toán điện tử phí, lệ phí để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong thanh toán không dùng tiền mặt.

Phối hợp doanh nghiệp bưu chính công ích cung cấp dịch vụ công (thông qua mạng bưu chính công cộng, mạng xã hội, ứng dụng của doanh nghiệp); tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số...

Nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của Trưởng các phòng, đơn vị trong việc tổ chức, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số để xây dựng thành công “cơ quan số” tại Sở.

2.2. Tham gia kiến tạo thể chế về chuyển đổi số

Thường xuyên tổ chức rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, sở hữu trí tuệ để tạo điều kiện thuận lợi trong chuyển đổi số quốc gia và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới dựa trên công nghệ số, internet và không gian mạng. Rà soát, chỉnh sửa, ban hành kịp thời quy trình iso, quy trình điện tử đối với giải quyết thủ tục hành chính của Sở.

Thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa cải cách TTHC với phát triển Chính quyền số; rà soát các TTHC, quy trình nghiệp vụ trong các CQNN theo hướng đơn giản hóa hoặc thay đổi phù hợp để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số; rà soát loại bỏ một số TTHC, quy trình nghiệp vụ khi ứng dụng công nghệ số.

2.3. Xây dựng hạ tầng số

Rà soát, bổ sung mua sắm trang thiết bị mạng, phần mềm bảo đảm an toàn thông tin có tốc độ cao, thế hệ mới, hiện đại có tính năng bảo mật, bảo đảm an toàn, an ninh mạng để triển khai kết nối và xử lý dữ liệu trong cơ quan. Thực hiện nâng cấp phần mềm quản lý sáng kiến cấp tỉnh để nâng cao hơn nữa chất lượng quản lý sáng kiến cấp tỉnh và phục vụ công tác đăng ký, tra cứu thông tin trực tuyến các sáng kiến cấp tỉnh; Nghiên cứu triển khai áp dụng phần mềm quản lý các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở; Áp dụng mã QR code trong công tác tra cứu thông tin nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

Cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo, giới thiệu kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; cử cán bộ chuyên trách CNTT tham gia bồi dưỡng về ứng dụng CNTT và an toàn thông tin cho cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm về CNTT; tập huấn kỹ năng sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin của tỉnh do các cơ quan chuyên môn tổ chức.

Thực hiện vận hành Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh phục vụ kết nối dữ liệu về thông tin nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa Quốc gia; nghiên cứu áp dụng phần mềm, công nghệ mới phù hợp, tối ưu trong việc xây dựng, triển khai ứng dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc tại tỉnh để hỗ trợ tổ chức, cá nhân nhận diện và truy xuất được nguồn gốc các sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng, sản phẩm OCOP của tỉnh. Qua đó kiểm soát chặt chẽ tất cả các khâu: sản xuất, bảo quản, vận chuyển, tiêu thụ,... gắn với sản xuất theo chuỗi giá trị, nhằm bảo vệ sức khỏe, quyền lợi người tiêu dùng, nâng cao giá trị sản phẩm, hàng hóa, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường nội địa và xuất khẩu.

2.4. Phát triển chính quyền số

Thực hiện cung cấp các dịch vụ của ngành KH&CN tới người dân bằng hình

thức trực tuyến; hướng dẫn, khuyến khích các tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học bằng hình thức trực tuyến.

Thực hiện chỉnh lý, số hóa tài liệu lưu trữ nhằm sắp xếp tài liệu một cách khoa học và số hóa, tích hợp lên hệ thống phần mềm, hỗ trợ tạo nguồn dữ liệu nền tảng cho hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu ngành KH&CN.

Triển khai mô hình “cơ quan số”, áp dụng công nghệ để kiểm soát toàn diện từ quản lý hành chính cho đến quản lý công việc; quản lý theo hình thức trực tiếp và liên kết ngành trong các hoạt động.

2.5. Công tác nghiên cứu, ứng dụng KH&CN trong chuyển đổi số

Phối hợp với các đơn vị liên quan ưu tiên triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN về chuyển đổi số có sử dụng các công nghệ tiên tiến ở các lĩnh vực y tế, giáo dục, tài nguyên và môi trường, nông nghiệp,... phục vụ xây dựng kho dữ liệu số tỉnh Bắc Giang.

Triển khai nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ mới, các giải pháp tích hợp, ứng dụng, sản phẩm CNTT phục vụ xây dựng Chính quyền số, nền kinh tế số, xã hội số, từng bước xây dựng đô thị thông minh.

Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho ứng dụng CNTT để nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

III. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

(Có Phụ lục kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch: Ngân sách nhà nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng Sở

Chủ trì triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra và phối hợp với các phòng, đơn vị thuộc Sở thực hiện Kế hoạch; tổng hợp kết quả tình hình thực hiện Kế hoạch gửi Sở Thông tin và Truyền thông theo định kỳ (*trước ngày 20 của tháng cuối quý*).

Phối hợp với các phòng, đơn vị thuộc Sở xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch.

2. Trung tâm Ứng dụng khoa học và công nghệ

Chủ trì triển khai xây dựng tin bài tuyên truyền về chuyển đổi số trên Cổng thông tin điện tử, mạng xã hội và các hình thức phù hợp khác. Phối hợp đánh giá

việc thí điểm việc nghiên cứu, ứng dụng chuyển đổi số cấp xã tại UBND xã Phúc Hòa, huyện Tân Yên để phục vụ nhân rộng mô hình; Triển khai thực hiện Đề án phát triển Sàn giao dịch công nghệ và thiết bị trực tuyến của tỉnh; Kế hoạch số 292/KH-UBND ngày 26/6/2021 của UBND tỉnh về phát triển nguồn tin KH&CN giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

3. Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

Phối hợp đánh giá việc nghiên cứu, ứng dụng chuyển đổi số cấp xã tại UBND xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn; quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên bằng hình thức điện tử; nâng cao việc thực hiện đánh giá, chấm điểm trên phần mềm đánh giá công tác xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001; triển khai, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch số 239/KH-UBND ngày 16/8/2020 của UBND tỉnh thực hiện Đề án “Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc” trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025.

4. Các phòng, đơn vị thuộc Sở

Căn cứ Kế hoạch xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch. Đồng thời báo cáo kết quả tình hình thực hiện Kế hoạch gửi Văn phòng Sở theo định kỳ (*trước ngày 15 của tháng cuối quý*).

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2023 của Sở KH&CN./.

Nơi nhận:

- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Bình

Phụ lục
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-KHCN ngày /02/2023 của Sở KH&CN)

STT	Nội dung	Chủ trì	Phối hợp
1	Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chuyển đổi số trên trang thông tin điện tử của Sở, Website của cơ quan	Trung tâm Ứng dụng KH&CN	Văn phòng Sở
2	Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chuyển đổi số tại các cuộc họp giao ban định kỳ,...	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị thuộc Sở
3	Thanh toán không dùng tiền mặt; 100% các tổ chức, cá nhân thanh toán phí, lệ phí điện tử	Văn phòng Sở	Các tổ chức cá nhân nộp phí, lệ phí và các phòng, đơn vị thuộc Sở
4	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính (TTHC) xử lý trực tuyến đạt trên 90%.	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị thuộc Sở
5	Tỷ lệ văn bản trao đổi dưới dạng điện tử đạt 100% (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật).	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị thuộc Sở
6	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt trên 50%.	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị thuộc Sở
7	Tỷ lệ số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại chỗ đạt 100%.	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị thuộc Sở
8	Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh đạt trên 85%.	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị thuộc Sở
9	Phối hợp đánh giá việc thí điểm việc nghiên cứu, ứng dụng chuyển đổi số cấp xã tại UBND	Trung tâm Ứng dụng KH&CN	UBND huyện Tân Yên, UBND xã Phúc Hòa và các phòng,

	xã Phúc Hòa, huyện Tân Yên để phục vụ nhân rộng mô hình.		đơn vị thuộc Sở
10	Phối hợp đánh giá việc thí điểm việc nghiên cứu, ứng dụng chuyển đổi số cấp xã tại UBND xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn để phục vụ nhân rộng mô hình.	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	UBND huyện Lục Ngạn, UBND xã Hồng Giang và các phòng, đơn vị thuộc Sở
11	Xây dựng hồ sơ cấp độ an toàn hệ thống thông tin và phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ phù hợp với quy định của pháp luật và tiêu chuẩn quốc gia về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị thuộc Sở
12	Rà soát, chỉnh sửa, ban hành kịp thời quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với giải quyết thủ tục hành chính	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị thuộc Sở
13	Cử cán bộ tham gia các khoá đào tạo, giới thiệu kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; khóa bồi dưỡng chuyên sâu và nâng cao về các công nghệ mới, kiến thức chuyển đổi số,...	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị thuộc Sở
14	Tổ chức đánh giá chấm điểm công tác xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001 trên phần mềm tại 78 cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Chi cục TCĐLCL	Các phòng, đơn vị thuộc Sở